

Số: 27/2018/NQ-HĐND

An Giang, ngày 07 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Xét Tờ trình số 666/TTr-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

1. Nghị quyết này quy định việc phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang, bao gồm:

a) Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

b) Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý và xử lý trong trường hợp bị mất, hủy hoại tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Các quy định khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không nêu trong Nghị quyết này thì thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Thủy lợi, Nghị định số 129/2017/NĐ-CP, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư

hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện);
3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gồm:
 - a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi trên phạm vi toàn tỉnh.
 - b) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi trên phạm vi cấp huyện và cấp xã.
4. Doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
5. Tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản thuộc cấp tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với tài sản thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý và tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số

129/2017/NĐ-CP) trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các trường hợp:

- a) Điều chuyển giữa các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh;
- b) Điều chuyển giữa cấp tỉnh và cấp huyện;
- c) Điều chuyển giữa cấp huyện khác đơn vị hành chính.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý (trừ trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này) trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Riêng bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn và các nguyên nhân khác theo quy định của pháp luật:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp huyện và cấp xã quản lý trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế.

Điều 9. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị Ủy ban nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 10. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh Kiên Giang, Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh; Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp-Huy.



CHỦ TỊCH

Võ Anh Kiệt